

Số: /GPMT-CNCCN Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần thứ nhất)

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 24/GPMT-BQL ngày 04/9/2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội);

Xét đề nghị của Công ty TNHH linh kiện điện tử SEI (Việt Nam) tại Văn bản số 202616/SEEV-EC ngày 27/7/2026 về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cơ sở: “Nhà máy sản xuất bảng vi mạch dẻo để xuất khẩu” tại Lô C5, C6, C11, C12 (Lô C4, C5, C10, C11 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội và các tài liệu có liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 24/GPMT-BQL ngày 04/9/2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội) đã cấp cho Công ty TNHH linh kiện điện tử SEI (Việt Nam) có địa chỉ tại Lô C-6 (Lô C5 theo QĐ số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 24/GPMT-BQL ngày 04/9/2024 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

Điều 2. Công ty TNHH linh kiện điện tử SEI (Việt Nam) tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 24/GPMT-BQL ngày 04/9/2024 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này.

Điều 3. Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 24/GPMT-BQL ngày 04/9/2024 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Trương Việt Dũng (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Trưởng ban
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND xã Thiên Lộc
- Phòng CS&TT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Các phòng: HTĐT, QLDN (để ph/h);
- Công ty TNHH KCN Thăng Long;
- Công ty TNHH linh kiện điện tử SEI (Việt Nam);
- TTPVHCC (Chi nhánh 1) (để trả kết quả);
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đinh Trần Quân

Phụ lục
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) số...../GPMT-CNCCN ngày /..... / 2026 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

I. Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục 01: Nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải như sau:

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.4. Nước thải sản xuất thuộc xưởng sản xuất giai đoạn 1+2, lưu lượng lớn nhất 3.500 m³/ngày đêm, cụ thể như sau:

* Nước thải từ các dây chuyền mạ:

Bổ sung mạng lưới thu gom nước thải của nguồn số 38:

- Nguồn số 38: Nước thải Javen (phát sinh từ quá trình rửa bề mạ) từ các dây chuyền mạ thuộc xưởng sản xuất giai đoạn 1+2 được thu gom theo đường ống DN25, DN50 hoặc thùng phuy có dung tích 200 lít sau đó được bơm về bể chứa nước thải Javen tại xưởng sản xuất giai đoạn 1+2. Từ bể chứa này, nước thải được đưa qua hệ thống xử lý nước thải Javen để xử lý, sau đó được bơm đến 1 trong 2 hệ thống xử lý nước thải axit, kiềm, cyanua (hệ thống số 01 hoặc 02) để tiếp tục xử lý.

1.1.5. Nước thải sản xuất thuộc xưởng sản xuất giai đoạn 3, lưu lượng lớn nhất 3.120 m³/ngày đêm, cụ thể như sau:

* Nước thải từ các dây chuyền mạ:

Bổ sung mạng lưới thu gom nước thải của nguồn số 39:

- Nguồn số 39: Nước thải Javen (phát sinh từ quá trình rửa bề mạ) từ các dây chuyền mạ thuộc xưởng sản xuất giai đoạn 3 được thu gom theo đường ống DN25, DN50 hoặc thùng phuy có dung tích 200 lít sau đó được bơm về bể chứa nước thải Javen tại xưởng sản xuất giai đoạn 1+2. Từ bể chứa này, nước thải được đưa qua hệ thống xử lý nước thải Javen để xử lý, sau đó được bơm đến 1 trong 2 hệ thống xử lý nước thải axit, kiềm, cyanua (hệ thống số 01 hoặc 02) để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải nước thải sản xuất: 03 hệ thống.

Quy trình công nghệ tổng quát của Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 01 và 02 bổ sung thêm hệ thống xử lý nước thải Javen, Quy trình công nghệ tổng quát của Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 03 giữ nguyên.

Quy trình công nghệ tổng quát (Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 01 và số 02): Nước thải → Hệ thống xử lý nước thải H_2O_2 → Hệ thống xử lý nước thải hữu cơ + Nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải Javen → Hệ thống xử lý nước thải axit, kiềm, cyanua → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long.

Quy trình công nghệ tổng quát (Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 03): Nước thải → Hệ thống xử lý nước thải H_2O_2 → Hệ thống xử lý nước thải hữu cơ → Hệ thống xử lý nước thải axit, kiềm, cyanua → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long.

1.2.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 01 và số 02 (Xưởng sản xuất giai đoạn 1+2) có chung hệ thống xử lý nước thải Javen, hệ thống xử lý nước thải H_2O_2 và hệ thống xử lý nước thải hữu cơ, 02 hệ thống xử lý nước thải axit, kiềm, cyanua của hệ thống số 01 và 02 tương tự nhau (Bổ sung hệ thống xử lý nước thải Javen).

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải Javen: Nước thải → Bể chứa nước thải Javen (thể tích 10 m^3) → Bể phản ứng (02 bể, thể tích $0,5\text{ m}^3/\text{bể}$, bổ sung hóa chất NaHSO_3 , NaOH) → Hệ thống xử lý nước thải axit, kiềm, cyanua (Hệ thống số 01 hoặc số 02).

+ Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải axit, kiềm, cyanua (Hệ thống số 01 và 02): Nước thải rửa, nước thải axit và nước thải hữu cơ (đã được xử lý sơ bộ từ quy trình xử lý nước thải hữu cơ) → Bể tiếp nhận nước thải rửa (02 bể, thể tích $100\text{ m}^3/\text{bể}$, bể tiếp nhận nước thải axit (02 bể, thể tích $10\text{ m}^3/\text{bể}$) cùng với nước thải Javen (đã được xử lý sơ bộ từ hệ thống xử lý nước thải Javen) → Bể phản ứng số 01 (02 bể, thể tích $10\text{ m}^3/\text{bể}$, bổ sung Ca(OH)_2 / NaOH , FeSO_4 , Defoamer) → Bể phản ứng số 02 (02 bể, thể tích $15\text{ m}^3/\text{bể}$, tự động bơm Ca(OH)_2 / NaOH , H_2SO_4 để điều chỉnh pH) → Bể phản ứng số 03 (02 bể, thể tích $15\text{ m}^3/\text{bể}$) → Bể tạo bông (02 bể, thể tích $10\text{ m}^3/\text{bể}$, bổ sung FK-Flock) → Bể lắng (02 bể, thể tích $200\text{ m}^3/\text{bể}$, bùn được dẫn về bể bùn số 01 và bùn được qua máy ép bùn, chuyển giao cho đơn vị có Giấy phép xử lý CTNH) → Bể trung chuyển (02 bể, thể tích $30\text{ m}^3/\text{bể}$ sục khí) → Tháp lọc cát → Bể điều chỉnh pH (02 bể, thể tích $10\text{ m}^3/\text{bể}$, bổ sung H_2SO_4) → Bể trung chuyển (02 bể, thể tích $40\text{ m}^3/\text{bể}$) → Tháp lọc kim loại (hạt nhựa được tái sinh bằng NaOH , H_2SO_4 , nước thải từ quá trình tái sinh được dẫn lại về bể tiếp nhận) → Bể trung hòa (02 bể, thể tích $10\text{ m}^3/\text{bể}$, bổ sung NaOH , H_2SO_4 để điều chỉnh pH) → Bể giám sát (02 bể, thể tích $40\text{ m}^3/\text{bể}$, giám sát thông số pH, TOC, Cu, COD nếu vượt ngưỡng cho phép hệ thống cảnh báo và bơm toàn bộ nước trong bể giám sát về bể sự cố (thể tích 200 m^3) để tái xử lý → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung KCN Thăng Long.

II. Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục 02: Nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải như sau:

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

Loại bỏ nguồn số 14, 15 và nguồn số 17; bổ sung nguồn số 18, 19.

- Nguồn số 18: Khí thải từ 03 máy in kem hàn số 01, 02 và 03 của dây chuyền gắn linh kiện của phòng BNA tại xưởng sản xuất giai đoạn 3.

- Nguồn số 19: Khí thải từ 03 máy in kem hàn số 04, 05 và 06 của dây chuyền gắn linh kiện của phòng 27PL tại xưởng sản xuất giai đoạn 3.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Loại bỏ dòng khí thải số 09, 10 và số 12; giữ nguyên dòng khí thải số 11; bổ sung dòng khí thải số 13, 14.

- Dòng khí thải số 13: tương ứng với ống thoát khí số 13 (OK13) của hệ thống xử lý khí thải số 13 từ nguồn số 18, tọa độ xả thải: X (m) = 2336052, Y (m) = 580320.

- Dòng khí thải số 14: tương ứng với ống thoát khí số 14 (OK14) của hệ thống xử lý khí thải số 14 từ nguồn số 19, tọa độ xả thải: X (m) = 2336057, Y (m) = 580319.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (theo đề nghị và cam kết của chủ cơ sở):

Giữ nguyên lưu lượng xả khí thải dòng khí thải số 11; bổ sung lưu lượng xả khí thải dòng khí thải số 13 và số 14.

- Dòng khí thải số 11: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 13: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 14: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.400 m³/giờ.

2.2.2.1. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ ⁽³⁾	Quan trắc tự động, liên tục
IV	Dòng khí thải 11, 13, 14				
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	350 ⁽¹⁾		

3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	800 ⁽¹⁾		
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680 ⁽¹⁾		
5	Benzen	mg/Nm ³	5 ⁽²⁾		
6	Toluen	mg/Nm ³	750 ⁽²⁾		
7	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	mg/Nm ³	8 ⁽¹⁾		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Loại bỏ mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn số 14, 15 và 17; thay đổi kích thước ống thu gom khí thải từ nguồn số 16; bổ sung mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn số 18 và 19.

- Nguồn số 16: Khí thải từ 03 máy in kem hàn của dây chuyền gắn linh kiện của phòng BNA tại xưởng sản xuất giai đoạn 3 → Tấm lọc Polyester tại mỗi máy → Ống gom tại mỗi máy (D150, dài 2 – 4 m) → Ống gom chung (kích thước 350x350 mm) → Quạt hút → Ống thoát khí ra ngoài môi trường (OK11).

- Nguồn số 18: Khí thải từ 03 máy in kem hàn số 01, 02 và 03 của dây chuyền gắn linh kiện của phòng BNA tại xưởng sản xuất giai đoạn 3 → Tấm lọc Polyester tại mỗi máy → Ống gom tại mỗi máy (D200, dài 2 – 4m) → Ống gom chung, kích thước 500x400 mm, dài 70,0m → Quạt hút → Ống thoát khí ra ngoài môi trường (OK13).

- Nguồn số 19: Khí thải từ 03 máy in kem hàn số 04, 05 và 06 của dây chuyền gắn linh kiện của phòng 27PL tại xưởng sản xuất giai đoạn 3 → Tấm lọc Polyester tại mỗi máy → Ống gom tại mỗi máy (D200, dài 2 – 4 m) → Ống gom chung (kích thước 500x400 mm, dài 9,0 m và 700x400 mm, dài 70,0 m) → Quạt hút → Ống thoát khí ra ngoài môi trường (OK14).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải máy in kem hàn: 03 hệ thống có quy trình công nghệ tương tự nhau.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (từ nguồn số 16, 18 và 19) → Tấm lọc Polyester → Ống gom tại mỗi máy → Ống gom chung → Quạt hút → Ống thoát khí (OK11, OK13, OK14) → Môi trường.

- Công suất thiết kế:

- + Hệ thống xử lý khí thải số 11: công suất thiết kế 4.000 m³/giờ.
- + Hệ thống xử lý khí thải số 13: công suất thiết kế 8.000 m³/giờ.
- + Hệ thống xử lý khí thải số 14: công suất thiết kế 5.400 m³/giờ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tháng 9 đến tháng 12/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm.

- Hệ thống xử lý khí thải số 13, công suất: 8.000 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải số 14, công suất: 5.400 m³/giờ.

III. Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục 04: Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường như sau:

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.2. Kho lưu giữ (01 kho)

Diện tích: 120 m².

Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu BTCT, có cửa khóa, có biển báo đầy đủ.

